TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUẢNG HÒA** **TỈNH CAO BẰNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2022/HNGĐ-ST
ngày 13/5/2022
V/v yêu cầu ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nông Thanh Điệp

Các Hội thẩm nhân dân: ông Đàm Văn Chung và ông Phan Văn Long

Thư ký phiên tòa: bà Mã Thư Viện - Thư ký TAND huyện Quảng Hòa;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Hòa tham gia phiên tòa: bà Chung Thị Bích Phượng - Kiểm sát viên

Trong ngày 13 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 13/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2022 về việc: "Yêu cầu ly hôn, nuôi con chung" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 05/4/2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 391/2022/QĐST-HNGĐ ngày 22/4/2022, giữa:

1. Nguyên đơn: **Hà Thị Ánh T** - sinh năm 1990
Nơi cư trú: xóm N, xã Đ, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt tại phiên toà.

2. Bị đơn: **Hà Quang D** - sinh năm 1987.
Nơi đăng ký HKTT: xóm N, xã L, huyện Q, tỉnh Cao Bằng.
Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Theo đơn khởi kiện, trong bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn Hà Thị Ánh T trình bày:

[1.1] Về quan hệ hôn nhân: Tôi kết hôn với anh Hà Quang D trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 29/11/2010 tại Ủy ban nhân dân xã Hồng Đại, huyện Phục Hòa (nay là xã Bế Văn Đàn, huyện Quảng Hòa). Sau khi kết hôn cả hai vợ chồng sống chung một nhà với bố mẹ của anh Dự ở xóm Nà Suối, xã Cách Linh, huyện Quảng Hòa. Trong quá trình chung sống, sau khi sinh con đầu lòng tháng 10 năm 2010, anh D đã có tính lăng nhăng quan hệ ngoài luồng với người phụ nữ khác, rồi về nhà kiếm cớ đánh tôi, sự việc đã được mẹ chồng tôi và gia đình khuyên can nên hai vợ chồng giải hòa. Đến năm 2013 thì sinh con thứ hai. Đến năm 2019 do vỡ kế hoạch, nên tôi sinh con thứ ba, từ đó đến nay anh D đi chung sống với người phụ nữ tên là M nhà ở Bản Mển, xã Cách Linh và nợ nần,

trước áp lực của chủ nợ, tôi đã phải trả nợ giúp anh D hơn 80 triệu đồng. Nay tôi xác định không còn tình cảm vợ chồng, đã không quan tâm, chăm sóc và thực hiện nghĩa vụ vợ chồng, đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên tôi yêu cầu ly hôn anh D.

[1.2] Về con chung: Có 03 con chung là Hà Quang V - sinh ngày 29/10/2010, Hà Bảo C - sinh ngày 01 tháng 01 năm 2013 và Hà Bảo A - sinh ngày 22 tháng 9 năm 2019. Hiện nay 02 con Hà Quang V và Hà Bảo C đang sống cùng nhà với anh D và bà nội Hoàng Thị U ở Nà Suối, xã Cách Linh. Còn Hà Bảo A thì đang sinh sống với tôi ở Nà Bản, xã Đ, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Sau khi ly hôn anh D sẽ nuôi trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục 02 con Hà Quang V và Hà Bảo C, còn tôi sẽ trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục Hà Bảo A và cấp dưỡng cho 02 con Hà Quang V và Hà Bảo C mỗi cháu 01 triệu đồng/tháng.

[1.3] Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2] Đối với bị đơn Hà Quang D: Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia tố tụng, nhưng anh D cố tình lẩn tránh, không đến tham gia tố tụng. Căn cứ đơn yêu cầu của chị T, Tòa án đã xuống cơ sở để tiến hành xác minh. Trong biên bản lấy lời khai bà Hoàng Thị U là mẹ của anh Hà Quang D thể hiện: Hà Quang D biết việc chị Hà Thị Ánh T yêu cầu ly hôn và biết các giấy triệu tập của Tòa án và hẹn ngày mồng 3 tháng ba âm lịch khi về tảo mộ sẽ lên Tòa án giải quyết. Ngoài ra, bà U còn cho biết hiện nay anh D đang sinh sống như vợ chồng với người phụ nữ tên là M nhà ở Bản M, xã C, bà U đã trực tiếp đi sang nhà của M nói chuyện với mẹ của M để ngăn cấm M và D quan hệ tình cảm ngang trái vì cả hai đã có gia đình. Việc anh D không tham gia tố tụng cho thấy anh D cố tình lẩn tránh, không đến tham gia tố tụng, tự mình từ bỏ quyền lợi, nghĩa vụ trong vụ án, không quan tâm đến vấn đề ly hôn của chị T đối với mình. Do đó Tòa án sẽ xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[3] Tại phiên tòa hôm nay anh Hà Quang D tiếp tục vắng mặt không có lý do lần thứ hai, điều đó thể hiện anh D đã tự từ bỏ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, không quan tâm và không cần có ý kiến việc chị T yêu cầu ly hôn, vì vậy Tòa án sẽ xét xử vắng mặt anh D theo quy định của pháp luật.

[4] Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là ly hôn với anh Hà Quang D

[5] Đại diện Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Trong vụ án này những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng đã tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Tại phiên tòa hôm nay, qua các tài liệu chứng cứ và kết hợp với lời khai của nguyên đơn Hà Thị Ánh T cho thấy mối quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh Hà Quang D đã mẫu thuẫn trầm trọng, anh D không làm tròn trách nhiệm của người chồng, người cha, làm cho mục đích hôn nhân của chị T không đạt được, do đó các yêu cầu của chị T là có căn cứ. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các

Điều 51, 56, 59, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, Điều 228, Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội để xem xét chấp nhận yêu cầu ly hôn và nuôi con chung của chị Hà Thị Ánh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hà Thị Ánh T kết hôn với anh Hà Quang D trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 29/11/2010 tại Ủy ban nhân dân xã Hồng Đại, huyện Phục Hòa (nay là xã Bế Văn Đàn, huyện Quảng Hòa). Trong quá trình chung sống, vợ chồng không hạnh phúc, có nhiều mâu thuẫn xuất phát do anh D đi chung sống với người phụ nữ khác, không quan tâm chăm sóc và thực hiện nghĩa vụ đối với chị T và các con, ngoài ra còn tự nợ nần dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, vợ chồng phải ly thân. Trong thời gian sống ly thân từ năm 2019 đến nay anh D không quan tâm chăm sóc và thực hiện nghĩa vụ vợ chồng đối với chị T và các con, là nguyên nhân dẫn đến đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đều phù hợp với tài liệu, chứng cứ mà chị T đã nộp cho Tòa án và các tài liệu chứng cứ Tòa án thu thập được.

Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu xin ly hôn của chị Hà Thị Ánh T là có căn cứ để chấp nhận theo Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về con chung: Hội đồng xét xử xét thấy hiện nay cháu Hà Quang V - sinh ngày 29/10/2010, Hà Bảo C - sinh ngày 01 tháng 01 năm 2013 đang sống cùng nhà với anh D và bà nội Hoàng Thị U ở Nà Suối, xã C, đang học hành ổn định, nhưng lại có nguyện vọng ở với chị T. Xét thấy nếu chị T một mình nuôi 03 con thì sẽ không đảm bảo quyền lợi cho các cháu vì vậy sẽ giao cháu Hà Quang V và Hà Bảo C cho anh Hà Quang D trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục, giao cháu Hà Bảo A - sinh ngày 22 tháng 9 năm 2019 cho chị Hà Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là hợp tình, hợp lý đúng với hoàn cảnh thực tế của gia đình.

[3] Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 59, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, Điều 228, Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Toà án, nay xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hà Thị Ánh T. Chị Hà Thị Ánh T được ly hôn đối với anh Hà Quang D.

[2] Về con chung: giao cháu Hà Quang V - sinh ngày 29/10/2010 và Hà Bảo C - sinh ngày 01 tháng 01 năm 2013 cho anh Hà Quang D trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Giao cháu Hà Bảo A - sinh ngày 22 tháng 9 năm 2019 cho chị Hà Thị Ánh T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chị Hà Thị Ánh T có trách nhiệm cấp dưỡng Hà Quang V và Hà Bảo C mỗi cháu là 01 triệu đồng/ tháng cho đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Khi xét thấy cần thiết, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung, thay đổi mức và hình thức cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về án phí: chị Hà Thị Ánh T phải chịu 300.000,đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm và 300.000,đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con để sung ngân sách nhà nước, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp theo biên lai số: 0004567 ngày 25 tháng 02 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng, nay chị T còn phải nộp 300.000,đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con để sung ngân sách nhà nước.

[5] Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, có mặt nguyên đơn, báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Vắng mặt bị đơn, báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *TAND tỉnh;*
- *VKSND huyện;*
- *CCTHADS huyện;*
- *UBND xã Cách Linh;*
- *UBND xã Bế Văn Đàn;*
- *Lưu HSVA.*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nông Thanh Điệp